



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Thành nhân trước thành danh

HOTLINE: 18001568

www.vhu.edu.vn

n

TS. Từ Minh Thiện
Trường Đại học Văn Hiến
Phone: 0977703333
Email: thientm@vhu.edu.vn

KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN TRONG ĐẠI DỊCH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP SXKD NÔNG SẢN, THỦY SẢN

Nội dung

1. Thuận lợi và khó khăn đối với xuất khẩu nông sản, thủy sản sang các thị trường trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19.
2. Phát triển thị trường tiềm năng và cân bằng thị trường truyền thống: Đảm bảo khôi phục đều sau dịch.
3. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản, thủy sản, dần tiến tới bình thường mới thị trường.

1. Thuận lợi và khó khăn đối với xuất khẩu nông sản, thủy sản sang các thị trường trong thời kỳ dịch bệnh Covid-19.

7 XU THẾ MỚI TRONG TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG MỚI

1. Thay đổi toàn cầu hoá, trở về theo nhóm, khu vực nhiều hơn
2. Đầu tư và tiêu dùng theo lối sống xanh
3. Bất bình đẳng/ rủi ro phi truyền thống gia tăng
4. Cạnh tranh chiến lược quốc gia
5. Chuỗi cung ứng thay đổi
6. Chính sách tài chính tiền tệ thay đổi
7. Số hoá nền kinh tế, đặc biệt trong tài chính, ngân hàng

6 XU HƯỚNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

1. Xu hướng đầu tư vào những tài sản an toàn hơn (đầu tư vào trái phiếu)
2. M&A tăng mạnh
3. Cắt giảm chi phí và nhân công LĐ
4. Thay đổi tâm lý và hành vi NTD.
5. TMĐT, CNTT, SX thực phẩm thiết yếu lại tăng
6. Áp dụng công nghệ và thay đổi cách thức làm việc sang từ xa

C.T.Vidya và K.P. Prabheesh (2020) tiến hành đo lường mức độ kết nối thương mại giữa các quốc gia trước và sau khi bùng phát COVID-19, đồng thời dự báo hướng thương mại trong tương lai bằng phương pháp phân tích mạng lưới thương mại (Trade Network Analysis) và mạng lưới thần kinh nhân tạo (Artificial Neural Networks)

- (1) Có sự giảm mạnh về mức độ kết nối thương mại giữa các quốc gia sau khi bùng phát COVID-19;
- (2) Có một sự thay đổi rõ ràng trong cấu trúc của mạng lưới thương mại;
- (3) Vị trí ‘trung tâm’ của Trung Quốc trong mạng lưới thương mại không bị ảnh hưởng bởi đại dịch;
- (4) Thương mại của hầu hết các nền kinh tế sẽ sụt giảm nghiêm trọng.

Liên quan đến yếu tố tâm lý và phản ứng đối với đại dịch Covid-19, Dinh Hoang Bach Phan và Paresh Kumar Narayan (2020)

- COVID-19 gây thiệt hại cho con người, thể hiện qua số người bị nhiễm và tử vong là hệ quả của hành động đóng cửa (lockdown) hoạt động kinh tế và sự di chuyển của người dân, áp đặt các lệnh cấm đi lại và thực hiện các gói kích thích để hỗ trợ sự suy giảm chưa từng có trong hoạt động kinh tế và mất việc làm. Tác giả đã đưa ra luận điểm về chỉ số tài chính tích cực nhất - cụ thể là giá cổ phiếu - phản ứng theo thời gian thực với các giai đoạn khác nhau trong quá trình diễn biến của COVID-19. Đồng thời các tác giả này lập luận rằng khi xuất hiện tin tức bất ngờ, thị trường lập tức phản ứng quá mức và khi xuất hiện nhiều thông tin giúp mọi người hiểu rõ hơn, thị trường sẽ tự điều chỉnh. Đây là giả thuyết mà các tác giả này quan tâm và cần xác minh trong thực nghiệm

Fan E.X. (2003)¹³ về đánh giá tác động của dịch SARS đến kinh tế vĩ mô

- Kết quả chỉ ra lĩnh vực dịch vụ sẽ bị ảnh hưởng nặng nhất. Ông cho rằng dịch SARS chỉ tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. Tác động tiêu cực đến kinh tế trong dài hạn nhiều hay ít là do sự ứng phó của Chính phủ về dịch bệnh trong lĩnh vực y tế cộng đồng

Global Fish Price Index



Source: NSC, INFOFISH, INFOPECA, INFOYU, EUMOFA

Top 4 thị trường xuất khẩu nông sản của VN trong 8 tháng 2021:

1. Hoa Kỳ (9,3 tỷ USD – 29,1%),
2. Trung quốc (6,1 tỷ USD – 18,9%),
3. Nhật Bản (2,2 tỷ USD – 6,8%),
4. Hàn quốc (1,4 tỷ USD – 4,3%)

Sự sụt giảm sản lượng nuôi trồng thủy sản phản ánh phản ứng mạnh mẽ của người sản xuất đối với điều kiện thị trường xấu đi và những thách thức trong hoạt động. Phản ứng này thay đổi đáng kể tùy thuộc vào đặc điểm sinh học cụ thể của loài nuôi:

- Chu kỳ sản xuất ngắn (tôm): điều chỉnh sản lượng tương đối nhanh chóng và sản lượng thu hoạch tôm dự kiến sẽ giảm đáng kể vào năm 2020 và 2021.
- Chu kỳ sản xuất dài (2 mảnh vỏ, cá hồi...) phải mất từ 2 đến 3 năm để đạt kích cỡ có thể thu hoạch, hạn chế khả năng của người nuôi để đáp ứng với diễn biến thị trường. Hầu hết các loài hai mảnh vỏ có chu kỳ sản xuất tương đối dài nhưng có thể được nuôi ở kích thước thị trường trong thời gian dài hơn đáng kể với chi phí tương đối thấp so với hầu hết các loài cá nuôi

- Sự hạn chế trong việc di chuyển của người dân, khó khăn trong việc thu thập các đầu vào cần thiết (như dụng cụ đánh bắt cá) và việc áp dụng các biện pháp vệ sinh khác nhau làm giảm hiệu quả của các thuyền viên đã góp phần làm giảm sản lượng khai thác thủy sản; giá cả yếu, chế biến khó khăn và nhu cầu kém cũng là động lực chính thúc đẩy sự chậm lại
- Khai thác nuôi trồng thủy sản dễ bị ảnh hưởng bởi sự suy thoái thị trường đột ngột vì về mặt kinh doanh, sinh khối tại các trang trại tương đương với hàng tồn kho dễ hư hỏng phải được bán trong một khung thời gian cụ thể. Các công ty nuôi trồng thủy sản cũng đòi hỏi nguồn cung cấp đầu vào, tài chính và lao động liên tục, tất cả đều bị tác động tiêu cực bởi sự hỗn loạn kinh tế và xã hội, đặc trưng cho giai đoạn đầu của đại dịch.

- Nhu cầu dịch vụ ăn uống giảm rõ rệt trong phần lớn thời gian của năm, có nghĩa là tác động nghiêm trọng hơn đối với những loài phụ thuộc nhiều vào doanh thu từ các nhà hàng, khách sạn và dịch vụ ăn uống (HORECA). Tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thủy sản ước tính giảm 5,7%, trong khi khối lượng giảm 3,9%.
- Xuất khẩu của Trung Quốc, nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, giảm khoảng 1,8 tỷ USD, trong khi tổng xuất khẩu của các nước châu Á giảm khoảng 3,2 tỷ USD. Xuất khẩu của các nhà sản xuất Nam Mỹ giảm 1,1 tỷ USD, trong khi xuất khẩu của châu Âu thấp hơn khoảng 3 tỷ USD

- Triển vọng cho năm 2021 vẫn chưa chắc chắn.
- Tốc độ phục hồi phụ thuộc nhiều vào tốc độ và hiệu quả của các chương trình triển khai vắc xin.
- Thiệt hại kinh tế do đại dịch gây ra là rất đáng kể và vẫn chưa rõ tác động lâu dài sẽ như thế nào. Trong khi đó, các yêu cầu về sinh nghiệm ngặt hơn và các quy trình kiểm tra đã làm tăng chi phí hậu cần. Đồng thời, các kênh phân phối mới được phát triển, các sản phẩm được thiết kế cho nhu cầu tiêu dùng gia đình và thích ứng trong hoạt động có khả năng vẫn là những đặc điểm chính của ngành, giúp tăng khả năng của các doanh nghiệp trong việc ứng phó với các cuộc khủng hoảng có tính chất tương tự trong tương lai và mở ra các lộ trình đổi mới mới.
- Ngoài đại dịch, có những thách thức liên quan đến thương mại khác liên quan đến ngành vào năm 2021, chẳng hạn như các mức thuế còn lại đối với thương mại Mỹ-Trung. Các thương nhân ở Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland cũng đang phải đối mặt với sự chậm trễ và trở ngại hành chính do quá trình theo từng giai đoạn của việc quốc gia này rời khỏi Liên minh Châu Âu tạo ra sự bối rối.



Tổng hợp đánh giá tình hình Kinh tế - xã hội Việt Nam đến tháng 8/2021

- Tăng trưởng 2.91% (điểm sáng hiếm hoi trong khu vực và quốc tế).
- Đẩy mạnh tham gia các Hiệp định thương mại song phương và đa phương như EVFTA, RCEP, UKVFTA => duy trì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng và đạt mức xuất siêu đạt mức kỷ lục trong năm 2020 gần 19,1 tỷ USD, có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD.

Tổng hợp đánh giá tình hình Kinh tế - xã hội Việt Nam đến tháng 8.2021

Một số yếu tố tiếp tục hỗ trợ kinh tế Việt Nam tăng trưởng, bao gồm:

(1) Cầu hàng hóa nước ngoài: các đối tác chủ chốt xuất khẩu Việt Nam hồi phục dần, chính sách thương mại Mỹ có thể bớt căng thẳng trong bối cảnh tân tổng thống Joe Biden thiên về tạo lập liên minh với các nước nhằm kìm hãm Trung Quốc thay cho đối đầu trực diện, tác động tích cực từ các thỏa thuận thương mại được ký kết trong những năm qua (điển hình là CPTPP, EVFTA, và RCEP)

(2) Triển vọng tăng vốn đầu tư FDI: do Vaccine COVID-19 triển khai rộng rãi hơn, là hỗ trợ cho việc khảo sát thực địa của các nhà đầu tư, làn sóng dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc được tiếp diễn trong đó Việt Nam là điểm đến tiềm năng cho dòng vốn đầu tư với thế mạnh địa lý và lao động.

(3) Phân phối vaccine COVID-19: do năng lực sản xuất hạn chế chưa thể đáp ứng nhu cầu cao của các nước, khâu hậu cần phức tạp đối với một vài loại vaccine do cách thức bảo quản vaccine, tính hiệu quả của phân phối thông qua COVAX đối với các nước đang phát triển

(4) Chính sách tài khóa trợ giúp vĩ mô vẫn được duy trì

- Yếu tố có thể kìm hãm tăng trưởng kinh tế Việt nam 2021:

- Điều kiện lao động kinh doanh, trong đó tình trạng thất nghiệp kéo dài sẽ tác động tiêu cực trong ngắn hạn lực lượng lao động.
- Các biện pháp hỗ trợ đang dần kết thúc sẽ làm hoạt động kinh doanh có thể thêm khó khăn trong ngắn hạn

1 vài con số tham khảo

8 tháng năm 2021:

- Tổng kim ngạch XNK NLTS ước đạt trên 60,9 tỷ USD. Trong đó:
- Xuất khẩu ước đạt 32,1 tỷ USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm ngoái;
- Nhập khẩu ước khoảng 28,8 tỷ USD, tăng 44,1%.
- Ngành nông nghiệp xuất siêu 3,3 tỷ USD, giảm 48,2% so với cùng kỳ năm trước
- Chỉ có 3 nhóm sản phẩm tăng trưởng XK, gồm: sản và sản phẩm từ sản (tăng 26,6%), sản phẩm từ ngũ cốc (tăng 1,1%), sữa và sản phẩm từ sữa (tăng 0,8%)
- Giá trị xuất khẩu giảm mạnh nhất là sản phẩm gỗ giảm 50,2%; cá tra và tôm giảm 29,7%; rau củ giảm 25,8%, hồ tiêu giảm 21,5%... so với cùng kỳ năm trước.

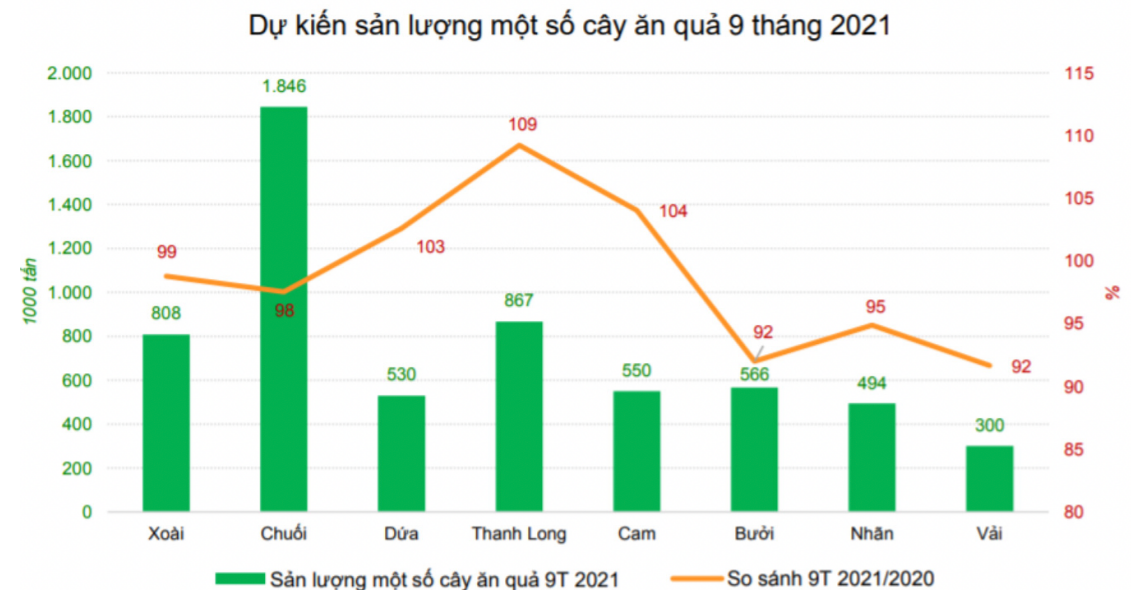
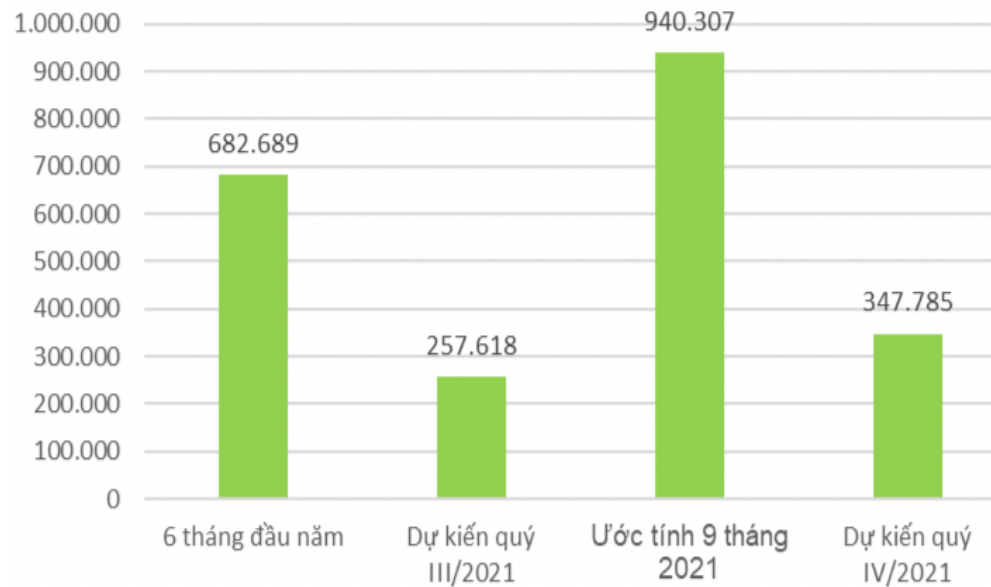
2. Phát triển thị trường tiềm năng và cân bằng thị trường truyền thống

Thị trường nội địa

- Rau quả: Ước tính trong tháng 8/2021, trị giá xuất khẩu hàng rau quả giảm 13,3% so với tháng 7/2021 và giảm 16,6% so với tháng 8/2020 do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động thu mua, tiêu thụ và xuất khẩu của Việt Nam. Thị phần nhập khẩu 8 chủng loại quả của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc giảm
- Thủy sản: Đầu tháng 9/2021, giá tôm nguyên liệu tại tỉnh Cà Mau tiếp tục giảm sau khi giảm trong tháng 7 và 8/2021. Từ đầu tháng 7/2021 đến nay, thị trường cá tra nguyên liệu gần như ở trạng thái đóng băng do giao dịch chỉ ở mức rất thấp. Xuất khẩu tôm tháng 7/2021 đã bắt đầu bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 trong nước diễn biến phức tạp, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tôm chậm lại so với các tháng trước.

Thị trường nội địa

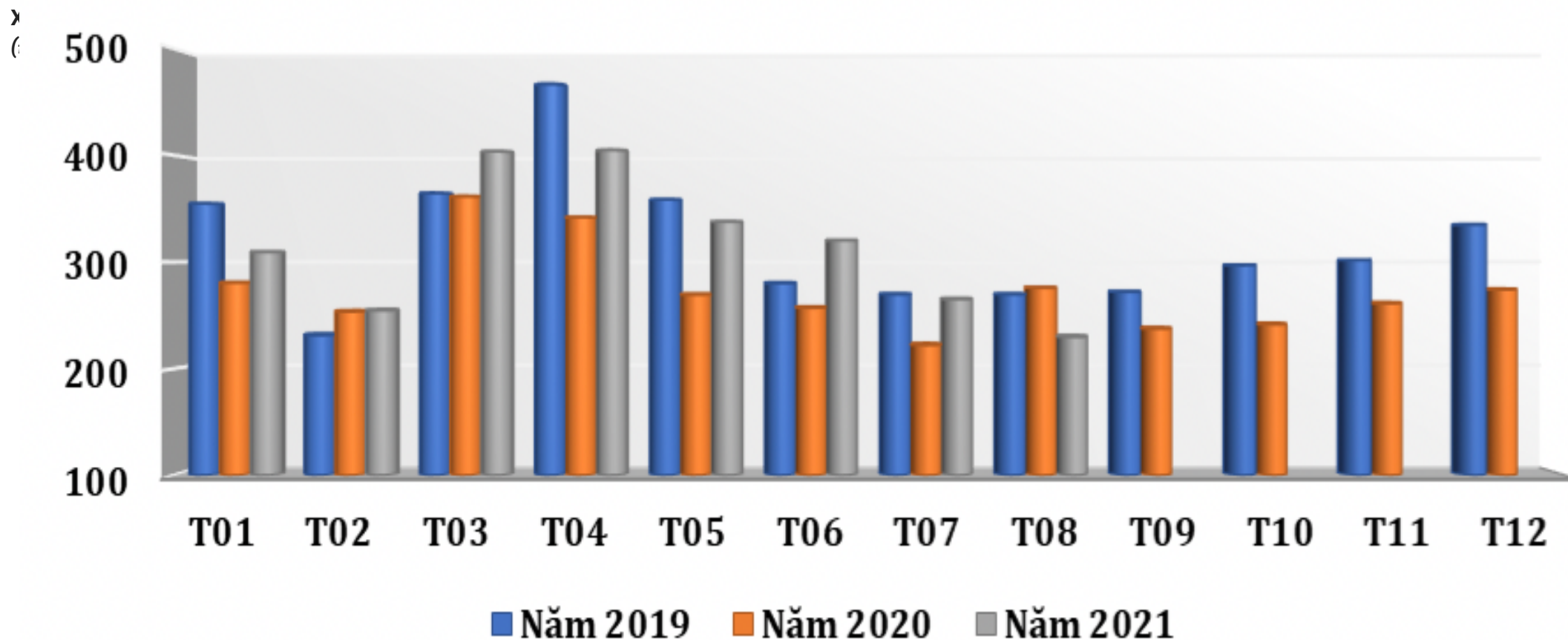
- Quý III/2021, giá trái cây trong nước bị tác động mạnh bởi dịch Covid-19 khiến nhu cầu tiêu thụ ở mức thấp. Theo dự kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhu cầu tiêu thụ trái cây của cả nước quý III/2021 đạt 257.618 tấn, nhu cầu tiêu thụ quý IV/2021 dự kiến tăng lên 347.785 tấn



Thị trường xuất khẩu

- Việt Nam đã có 9 loại trái cây tươi được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc (Xoài, thanh long, chuối, nhãn, vải, dưa hấu, chôm chôm, mít và măng cụt). Tuy nhiên, số liệu thống kê của Trung Quốc trái mít không có phân loại mã HS riêng, nên chỉ tổng hợp được 8 loại quả Trung Quốc nhập khẩu trong đó có nhập khẩu từ Việt Nam. Trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu các thị trường cung cấp 8 chủng loại quả trên cho Trung Quốc 7 tháng đầu năm 2021, đạt 747,6 nghìn tấn, trị giá 491,2 triệu USD, giảm 10% về lượng và giảm 10,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong số 8 loại quả nhập khẩu từ Việt Nam, Trung Quốc nhập khẩu nhiều nhất là chủng loại quả thanh long từ Việt Nam, đạt 368,9 nghìn tấn, trị giá 491,2 triệu USD, giảm 12,7% về lượng và giảm 11,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Chủng loại quả thanh long chiếm 49,3% tổng lượng nhập khẩu 8 loại quả từ Việt Nam; tiếp theo là chủng loại quả chuối tươi và khô chiếm 39,2%; dưa hấu chiếm 7,2%; nhãn và long nhãn chiếm 3,8%; xoài chiếm 0,3%.

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng năm 2019 2021
(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 8/2021

**Giá trị xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt
Nam năm 2020 và 2021**

TT	Chủng loại	Tháng 7/2021	So với tháng 7/2020	7 tháng năm 2021	So với 7 tháng năm 2020	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
		(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	2021	2020
1	Quả và quả hạch	158.991	15,0	1.599.968	18,2	100,0	100,0
	<i>Thanh long</i>	73.081	-6,5	704.641	5,5	44,0	49,3
	<i>Xoài</i>	6.494	81,5	209.712	37,9	13,1	11,2
	<i>Chuôi</i>	9.733	4,9	175.259	56,2	11,0	8,3
	<i>Mít</i>	10.402	70,1	115.841	44,5	7,2	5,9
	<i>Sầu riêng</i>	28.703	148,1	73.034	24,2	4,6	4,3
	<i>Dừa</i>	6.514	-20,2	67.824	-12,2	4,2	5,7
	<i>Dừa hấu</i>	100	-51,7	48.641	50,2	3,0	2,4
	<i>Vải</i>	5.417	110,1	46.246	42,9	2,9	2,4
	<i>Chanh leo</i>	3.363	106,5	36.441	93,5	2,3	1,4
	<i>Loại khác</i>	15.184	-10,5	122.329	0,6	7,6	9,0

TT	Chủng loại	Tháng 7/2021	So với tháng 7/2020	7 tháng năm 2021	So với 7 tháng năm 2020	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
		(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	2021	2020
2	Sản phẩm chế biến	84.621	39,4	516.087	13,9	100,0	100,0
	<i>Dừa</i>	8.331	45,2	62.526	89,1	12,1	7,3
	<i>Trái cây sấy</i>	11.882	251,7	54.888	101,3	10,6	6,0
	<i>Chanh leo</i>	8.859	49,8	45.442	22,2	8,8	8,2
	<i>Dứa</i>	5.447	46,0	33.335	46,2	6,5	5,0
	<i>Xoài</i>	3.029	52,1	30.364	-10,7	5,9	7,5
	<i>Hạnh nhân</i>	4.581	110,7	25.644	62,0	5,0	3,5
	<i>Hạt dẻ</i>	5.39	179,4	25.27	34,1	4,9	4,2
	<i>Loại khác</i>	37.102	3,5	238.618	-9,7	46,2	58,3

TT	Chủng loại	Tháng 7/2021	So với tháng 7/2020	7 tháng năm 2021	So với 7 tháng năm 2020	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
		(Nghìn USD)	(%)	(Nghìn USD)	(%)	2021	2020
3	Hoa	6.66	19,1	35.674	35,3	100,0	100,0
	<i>Hoa cúc</i>	5.63	18,6	28.513	38,1	79,9	78,3
	<i>Hoa lan hồ điệp</i>	361	0,9	2.528	1,6	7,1	9,4
	<i>Hoa cát tường</i>	293	257,9	1.678	61,7	4,7	3,9
	<i>Hoa câ m chướng</i>	141	-21,2	1.393	17,1	3,9	4,5
	<i>Loại khác</i>	235	3,8	1.562	55,5	4,4	3,8
4	Lá	722	3,2	4.554	27,0	100,0	100,0
	<i>Lá sắn</i>	254	-8,2	1.152	26,0	25,3	25,5
	<i>Lá tre</i>	144	91,2	716	7,2	15,7	18,6
	<i>Lá khoai lang</i>	97	360,7	490	87,6	10,8	7,3
	<i>Lá chuối</i>	82	28,8	416	80,9	9,1	6,4
	<i>Loại khác</i>	145	-44,8	1780	17,7	39,1	42,2

3. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu nông sản, thủy sản, dần tiến tới bình thường mới thị trường.

6 nguyên tắc vàng

1. Đặt nền móng: Kiến tạo 1 DN kiên cường, linh hoạt, sẵn sàng đối mặt với khủng hoảng

2. Bảo toàn & thúc đẩy doanh thu :Xác định các cơ hội giúp cải thiện doanh thu

3. Giảm và quản lý chặt chẽ chi phí: Tăng tỷ suất lợi nhuận gộp, lợi nhuận thuần để chống lại các ảnh hưởng tiêu cực lên

4. Tối ưu hoá tài sản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu: rà soát lại danh mục tài sản, củng cố bảng cân đối kế toán, quản lý dòng tiền

5. Tăng tốc chuyển đổi số: sử dụng công nghệ và dữ liệu để tạo điều kiện cho tăng trưởng và giảm chi phí, phát triển thành 1 DN số

6. Quản lý kỳ vọng: Thích ứng để có thể đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan và chủ động giải quyết các rủi ro do tình hình bất ổn gây ra

(Nguồn: Cẩm nang “Ứng phó, phục hồi, phát triển trong và sau khủng hoảng dành cho doanh nghiệp” – VCCI – Deloitte)

**Phẩm
chất
người
lãnh
đạo cần
giữ
trong
khủng
hoảng**

Làm chủ thông điệp: vẽ lên bức tranh về 1 tương lai và con đường phía trước mang tính thuyết phục để các bên liên quan có thể luôn cùng kề vai sát cánh

Ưu tiên tốc độ: hành động quyết đoán với tinh thần trách nhiệm và quả cảm hơn là nhắm đến sự hoàn hảo

Lãnh đạo bằng trái tim: tìm kiếm và củng cố các giải pháp phù hợp với mục đích, nghĩa vụ xã hội và phục vụ giá trị tâm đức của DN

Giữ tầm nhìn dài hạn để lan tỏa niềm tin và lòng kiên định trong hệ sinh thái của DN

Đặt nhiệm vụ lên hàng đầu: ổn định hôm nay, khai thác cả năng lượng tích cực và tiêu cực của những biến động để khơi nguồn sáng tạo cho ngày mai

(Nguồn: Cẩm nang “Ứng phó, phục hồi, phát triển trong và sau khủng hoảng dành cho doanh nghiệp” – VCCI – Deloitte)

XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG EU VÀ NHẬT BẢN

- Dân số già (EU: 2021 hơn 50% dân số lớn hơn 55 tuổi) => ***tăng cường quảng bá về tính an toàn của sản phẩm.***
- Tăng số lượng gia đình từ 1 - 2 người => ***bao bì và đóng gói phù hợp với bữa ăn cho 2 người.***
- Tăng tỉ lệ nữ làm việc => ***tăng sản phẩm ready cook, tăng tiện lợi cho người sử dụng.***
- Tăng dân số từ các nước ngoài => ***tăng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm ngoại nhập (exotic).***

XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG EU VÀ NHẬT BẢN

- Nhiều thời gian nghỉ ngơi => *xu hướng ăn bên ngoài sẽ nhiều hơn.*
- Mua sắm nhanh và mang tính giải trí => *chú trọng đến bao bì và tính khác biệt, tiện dụng và tính thẩm mỹ của sản phẩm.*
- Ít thời gian làm bếp => *ăn ngoài nhiều hơn.*
- Quan tâm đến thực phẩm an toàn, ngon và tự nhiên => *quảng bá tính an toàn, chất lượng và sự khác biệt của sản phẩm.*

MỘT SỐ GIẢI PHÁP LƯU Ý TRONG TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG MỚI

Về thị trường:

1. Xây dựng hệ thống bán hàng (sales) tại các thị trường đích như: Nga, Nhật, Hàn, Singapore, EU, Hoa Kỳ, Trung Đông.
2. Ứng dụng công nghệ nền tảng (Platform) trong bán hàng (nội địa, xuất khẩu): hợp tác với công ty chuyên về công nghệ trong nông nghiệp.
3. Hợp tác bán hàng 02 chiều, VD: thị trường Nga (xuất khẩu cá, nhập khẩu bột xương thịt làm thức ăn gia súc), Hoa Kỳ (Xuất khẩu trái cây và nhập khẩu nguyên liệu TAGS)...
4. Đẩy mạnh bán hàng nội bộ: trưng bày sản phẩm tại các cơ sở, tăng cường bán hàng online, giới thiệu sản phẩm, thông tin.
5. Xây dựng đội ngũ nghiên cứu thị trường

MỘT SỐ GIẢI PHÁP LƯU Ý TRONG TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG MỚI

Về sản xuất - kinh doanh:

1. Ứng dụng công nghệ nền tảng (Platform) trong bán hàng (nội địa, xuất khẩu): hợp tác với công ty chuyên về công nghệ trong nông nghiệp.
2. Hợp tác bán hàng 02 chiều, VD: thị trường Nga (xuất khẩu cá, nhập khẩu bột xương thịt làm thức ăn gia súc), Hoa Kỳ (Xuất khẩu trái cây và nhập khẩu nguyên liệu TAGS)...
3. Đẩy mạnh bán hàng nội bộ: trưng bày sản phẩm tại các cơ sở, tăng cường bán hàng online, giới thiệu sản phẩm, thông tin.
4. Ưu tiên cho việc đầu tư tăng quy mô ở những nhà máy hiện hữu. Lưu ý những sản xuất sản phẩm bột từ thực vật: Cỏ ngọt (stevia), chùm ngây (Moringa), trà xanh, trái nhàu (Noni) xuất khẩu đi Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...

MỘT SỐ GIẢI PHÁP LƯU Ý TRONG TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG MỚI

Về vốn:

1. M&A tập trung vùng nguyên liệu, ưu tiên cho những nhà máy, công ty đang trên đà suy thoái Mục tiêu: tăng cường sản xuất, đa dạng hóa vùng nguyên liệu.
2. Tận dụng hình thức huy động vốn cộng đồng (crowd-funding) hoặc vốn nội bộ: là hình thức tài trợ vốn cho dự án thông qua sự đóng góp của một số lượng lớn những người tham gia thông qua mạng xã hội hoặc một website, trong nội bộ doanh nghiệp.
3. Tận dụng chính sách ưu đãi của nhà nước để liên kết xây dựng vùng nguyên liệu.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP LƯU Ý TRONG TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG MỚI

Về đầu tư:

1. M&A công ty, nhà máy sản xuất.
2. Xây dựng các mô hình trình diễn (Demo farm) theo hướng ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất thủy sản, nông sản để từ đó huy động vốn đầu tư từ các đối tác nước ngoài cũng như trong nước
3. Phát triển các trang trại ứng dụng điện mặt trời kết hợp với sản xuất nông nghiệp.
4. Kết hợp giữa ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp với các hình thức du lịch như du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp

MỘT SỐ GIẢI PHÁP LƯU Ý TRONG TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG MỚI

Về hợp tác quốc tế:

1. Tăng cường hợp tác với Israel, Nhật Bản, Hàn quốc, Hà Lan và Đài Loan về tiếp nhận và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo quản và chế biến sản phẩm. Tập trung: cây ăn trái (bơ, xoài, chuối,), cây dược liệu dưới tán rừng (Nhàu, sâm bố chính, linh chi, thạch斛 tía, lan gấm....) kết hợp với chiết xuất và chế biến bán thành phẩm, rau quả ngoại nhập (dưa lưới, cà chua bi, rau ăn lá, rau ăn củ).
2. Tận dụng các hỗ trợ của chính phủ các nước: Các hỗ trợ của chính phủ các nước thông qua các tổ chức như tổ chức PUM của Hà Lan, Jica của Nhật Bản, Mashav của Israel, Finpro của Phần Lan, USDA của Hoa Kỳ... để triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật viên và xây dựng các dự án.

Phụ lục. Các chính sách hỗ trợ Covid – 19 của Việt Nam thời gian qua

1. - Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid- 19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
2. - Chỉ thị số 06/CT-BCT ngày 11/3/2020 về việc tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của ngành công thương trước những diễn biến mới của dịch bệnh COVID-19 do Bộ Công thương ban hành
3. - Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
4. - Thông tư 14/2020/TT-NHNN ngày 18/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do Dịch COVID-19 do Bộ Tài chính ban hành
5. - Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 về các giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh COVID-19 do Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành
6. - Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do Đại dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành
7. - Thông báo số 154/TB-VPCP ngày 12/4/2020 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội ứng phó với đại dịch COVID-19

Phụ lục. Các chính sách hỗ trợ Covid – 19 của Việt Nam thời gian qua

1. - Thông báo số 156/TB-VPCP ngày 15/4/2020 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp về việc tổ chức hội nghị của Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tái khởi động nền kinh tế ứng phó với dịch Covid-19
2. - Chỉ thị số 01/CT-BKHCN ngày 21/4/2020 về nâng cao năng lực khoa học và công nghệ nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân trong bối cảnh tác động của dịch COVID-19 do Bộ Khoa học công nghệ ban hành
3. - Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 về quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do Đại dịch COVID-19 do Thủ tướng ban hành
4. - Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới do Thủ tướng Chính phủ ban hành
5. - Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 7/5/2020 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp về công tác tổ chức hội nghị của Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phục hồi nền kinh tế ứng phó với dịch COVID-19
6. - Báo cáo 237/BC-CP ngày 19/5/2020 về phòng chống dịch COVID-19 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ ban hành
7. - Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành

Phụ lục. Các chính sách hỗ trợ Covid – 19 của Việt Nam thời gian qua

1. - Quyết định số 1457/QĐ-BCT ngày 3/6/2020 về ban hành kế hoạch hành động của ngành công thương nhằm khôi phục và thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại trong giai đoạn mới phòng chống dịch COVID-19 do Bộ Công thương ban hành
2. - Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước.
3. - Thông báo số 201/TB-VPCP ngày 9/6/2020 về kết luận của Phó thủ tướng Vũ Đức Đam tại cuộc họp về giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy du lịch hậu COVID-19 và cơ cấu lại thị trường du lịch
4. - Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 11/6/2020 về việc thông qua tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế do Chính phủ ban hành
5. - Nghị quyết số 116/2021/QH14 ngày 19/6/2020 về giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng
6. - Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
7. - Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 8/2/2021 về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19

Phụ lục. Các chính sách hỗ trợ Covid – 19 của Việt Nam thời gian qua

1. - Nghị định 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19
2. - Nghị định 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.
3. - Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do COVID-19
4. - Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19



Hỏi và Đáp